

**TỔNG CỤC HẢI QUAN
CỤC HẢI QUAN TP. CẦN THƠ**



**BẢN TÓM TẮT
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP TỔNG CỤC HẢI QUAN
NĂM 2022**

**PHÂN TÍCH CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HÀNH VI TUÂN THỦ
PHÁP LUẬT THUẾ XUẤT KHẨU, THUẾ NHẬP KHẨU CỦA CÁC
DOANH NGHIỆP ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG
MÃ SỐ: TCHQ/ĐT/2022-12**

Chủ nhiệm nhiệm vụ: ThS. Huỳnh Anh Tuấn

Cần Thơ, năm 2023

**TỔNG CỤC HẢI QUAN
CỤC HẢI QUAN TP. CẦN THƠ**



**BẢN TÓM TẮT
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CẤP TỔNG CỤC HẢI QUAN
NĂM 2022
PHÂN TÍCH CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HÀNH VI TUÂN THỦ
PHÁP LUẬT THUẾ XUẤT KHẨU, THUẾ NHẬP KHẨU CỦA CÁC
DOANH NGHIỆP ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG
MÃ SỐ: TCHQ/ĐT/2022-12**

Chủ nhiệm nhiệm vụ: ThS. Huỳnh Anh Tuấn

Thành viên nghiên cứu:

Họ và tên, học vị	Đơn vị công tác
1. Nguyễn Thị Tuyết Anh, Cử nhân	Cục Hải quan TP. Cần Thơ
2. Trương Thanh Được, Cử nhân	Cục Hải quan TP. Cần Thơ
3. Nguyễn Mai Hương, Thạc sĩ	Cục Thuế Xuất nhập khẩu
4. Lê Thị Kiều Loan, Thạc sĩ	Cục Hải quan TP. Cần Thơ
5. Nguyễn Duy Nam, Kỹ sư tin học	Cục Hải quan TP. Cần Thơ
6. Nguyễn Minh Phúc, Thạc sĩ	Cục HQ tỉnh Long An
7. Trần Thị Kim Thanh, Cử nhân	Cục Hải quan TP. Cần Thơ
8. Nguyễn Thị Bá Thuận, Thạc sĩ	Cục Hải quan TP. Cần Thơ
9. Đoàn Thị Hồng Vân, Thạc sĩ	Cục Hải quan TP. Cần Thơ

Cần Thơ, năm 2023

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Hành vi tuân thủ pháp luật thuế là một trong những nội dung then chốt của quản lý thuế hiện đại. *Quản lý hành vi tuân thủ pháp luật thuế* của người nộp thuế nhằm đảm bảo việc tuân thủ và thực thi chính sách thuế tối ưu, nâng cao hiệu quả quản lý thuế cũng như thúc đẩy mức độ tuân thủ tự nguyện của người nộp thuế.

Ngành Hải quan đã áp dụng cơ chế quản lý rủi ro để quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu, dựa trên mức độ tuân thủ pháp luật về chính sách hàng hóa và chính sách thuế để áp dụng các biện pháp quản lý khác nhau nhằm tạo điều kiện tối đa cho các doanh nghiệp tuân thủ tốt và phát hiện, xử lý các hành vi không tuân thủ. Do đó, hành vi tuân thủ pháp luật về thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu vừa là nghĩa vụ, vừa là lợi ích chính đáng của người nộp thuế, giúp giảm thiểu các thủ tục hành chính, qua đó tiết kiệm chi phí và thời gian. Đồng thời đóng góp nguồn thu quan trọng vào ngân sách nhà nước, tạo môi trường kinh doanh minh bạch và công bằng.

Trong quá trình XNK của các doanh nghiệp ở Đồng Bằng Sông Cửu Long, cơ quan hải quan phát hiện có nhiều vi phạm về mã số HS, trị giá, thuế suất, xuất xứ, chính sách thuế,... Như năm 2022 đã phát hiện 567 trường hợp khai báo sai, chiếm tỷ lệ 14% (trung bình cứ 100 doanh nghiệp thì có 14 doanh nghiệp có sai phạm), số tiền xử phạt về hành vi gian lận thuế là 22,352 tỷ đồng và ấn định thuế hơn 111,76 tỷ đồng, như vậy nếu không kịp thời phát hiện gây thất thoát ngân sách nhà nước tương đương 111,76 tỷ đồng tiền thuế¹. Không loại trừ, vẫn còn tồn tại nhiều hành vi vi phạm quy định thuế xuất nhập khẩu chưa được phát hiện.

Tại các các tỉnh ĐBSCL, nhận thức pháp luật của người dân, doanh nghiệp còn hạn chế so với các vùng kinh tế - xã hội khác, phần nào cũng đã ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ thuế của doanh nghiệp, như mặt bằng dân trí nói chung và dân trí pháp lý nói riêng còn thấp, các chỉ tiêu về giáo dục của

¹ Số liệu tổng hợp trên Chương trình XLVP hải quan.

vùng như tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế đã qua đào tạo là 14,61% so với cả nước là 26,13%, số lượng sinh viên các trường đại học là 160.653 người, thấp hơn chỉ tiêu chung của cả nước và các khu vực khác². Điều đó phần nào cũng đã ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ pháp luật về thuế của doanh nghiệp.

Ngoài ra, ý thức tôn trọng pháp luật và tính chủ động sử dụng pháp luật còn hạn chế, chưa nhận thức được đầy đủ và đúng đắn tính tối thượng của pháp luật trong điều chỉnh các quan hệ xã hội nên ít sử dụng quyền pháp luật hoặc chưa tự giác thi hành nghĩa vụ pháp luật. Do đó, nghiên cứu hành vi, tính tự giác tuân thủ, ý thức tôn trọng pháp luật nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các doanh nghiệp tại ĐBSCL là cần thiết.

Trước đây, đã có các nghiên cứu về hành vi tuân thủ thuế, tìm hiểu những lý do dẫn đến việc người nộp thuế không tuân thủ pháp luật thuế và đưa ra giải pháp để thúc đẩy người nộp thuế tuân thủ. Tuy nhiên, chưa có nghiên cứu nào về hành vi tuân thủ pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu của các doanh nghiệp tại ĐBSCL. Do đó, việc thực hiện đề tài “*Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu của các doanh nghiệp Đồng Bằng Sông Cửu Long*” có giá trị về khoa học và thực tiễn sâu sắc. Nghiên cứu này sẽ là căn cứ quan trọng giúp cơ quan hải quan hoạch định được các chính sách, quy trình thủ tục hải quan, quản lý thuế phù hợp để nâng cao năng lực thu thuế, thực hiện có hiệu quả công tác quản lý thuế, tăng thu NSNN, đảm bảo cạnh tranh công bằng và phát triển kinh tế.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Đa số các nghiên cứu trước đây đều được thực hiện trong lĩnh vực thuế nội địa (thuế thu nhập cá nhân, thu nhập doanh nghiệp...), có rất ít các đề tài liên quan đến thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và chưa có đề tài đi sâu nghiên cứu thực nghiệm về hành vi tuân thủ pháp luật về thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu. Riêng tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, hiện vẫn chưa tìm

² Niên giám thống kê năm 2021.

thấy nghiên cứu thực nghiệm nào liên quan đến hành vi tuân thủ pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

Có thể kể đến một số nghiên cứu nổi bật có liên quan đến đề tài như:

(i) Nghiên cứu nước ngoài: Allingham và Sandmo (1972) trong bài viết “Income tax evasion: A theoretical analysis” đã đưa ra những cơ sở lý thuyết đầu tiên trong việc phân tích hành vi tuân thủ thuế; Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) (2004), “Compliance Risk Management: Managing and Improving Tax Compliance”, đã nghiên cứu về hành vi tuân thủ thuế và các yếu tố tác động đến hành vi tuân thủ thuế của doanh nghiệp bao gồm: yếu tố về đặc điểm doanh nghiệp, yếu tố kinh tế, yếu tố xã hội, yếu tố tâm lý và yếu tố ngành; Tilahun & Yidersal (2014), “Determinants of Tax Compliance Behavior in Ethiopia: The Case of Bahir Dar City Taxpayers”. Nghiên cứu được thực hiện để kiểm tra các yếu tố quyết định hành vi tuân thủ thuế ở Ethiopia, đặc biệt là ở thành phố Bahir Dar; Noor Sharoja Sapiei et al (2014), “Determinants of tax compliance behaviour of corporate taxpayers in Malaysia”. Nghiên cứu này tập trung vào các yếu tố quyết định hành vi tuân thủ của người nộp thuế đối với các yêu cầu báo cáo thuế thu nhập doanh nghiệp ở Malaysia. Mô hình nghiên cứu được xây dựng với các biến độc lập về: Chi phí tuân thủ thuế, Đặc điểm của doanh nghiệp; Các khía cạnh cơ bản về thuế và biến phụ thuộc (hành vi không tuân thủ của người nộp thuế); Zunansyah Falanni (2015), “Determinants of Corporate Taxpayer Compliance Behavior: A Study Case at Duren Sawit Small Tax Office in Indonesia”. Mục tiêu của nghiên cứu là xác định các yếu tố ảnh hưởng đến sự tuân thủ của người nộp thuế doanh nghiệp thông qua khía cạnh đặc điểm kinh doanh và khía cạnh cơ bản về thuế; Sellywati Mohd Faizal et al (2017), “Power and Trust as Factors Influencing Tax Compliance Behavior in Malaysia”. Nghiên cứu này thông qua lý thuyết khung sườn dốc trơn trượt (SSFW) trong bối cảnh tuân thủ thuế ở Malaysia.

(ii) Nghiên cứu trong nước:

Bài viết “*Xoay quanh vấn đề người nộp thuế và tuân thủ thuế*” của tác giả

Đặng Thị Bạch Vân đăng trên Tạp chí Phát triển và Hội nhập số 16 (26) – Tháng 05-06/2014;

Đề tài “*Hành vi tuân thủ thuế của Doanh nghiệp: Nhìn từ phía các doanh nghiệp tại TP. Hồ Chí Minh*” của nhóm tác giả Phạm Minh Tiến, Phan Thị Thắng và Phạm Thị Hồng Hà đăng trên Tạp chí Khoa học Đại học mở TP. Hồ Chí Minh – Số 11 (2) 2016: Đề tài thực hiện để xác định các nhân tố tác động đến hành vi tuân thủ thuế của doanh nghiệp từ nghiên cứu giúp nâng cao tính tuân thủ pháp luật thuế của doanh nghiệp nộp thuế.

Đề tài “*Nghiên cứu hành vi tuân thủ thuế thu nhập cá nhân của người nộp thuế tại TP. Hồ Chí Minh*” do tác giả Dương Thị Bình Minh và Vũ Thị Bích Quỳnh thực hiện đăng trên Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á (Năm thứ 29, Số 2 (2018), 63-83): Đề tài để kiểm định tác động của các nhân tố xã hội lên dự định tuân thủ thuế thu nhập cá nhân của người nộp thuế.

Đề tài nghiên cứu “*Các nhân tố ảnh hưởng đến việc tuân thủ thuế thu nhập cá nhân của người nộp thuế thu nhập cá nhân tại Chi cục thuế quận 3*” của tác giả Nguyễn Thị Ngọc Diệp - Nguyễn Quốc Thịnh (Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh), đăng trên Tạp chí Công thương- tháng 4/2021

Đề tài “*Tuân thủ pháp luật thuế xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp Việt Nam: cơ sở pháp lý và thực tiễn*” do tác giả Phan Thị Thu Hiền thực hiện đăng trên Tạp chí Quản lý và Kinh tế quốc tế, số 127 (4/2020), 61-74. Tác giả dựa trên các cơ sở lý luận liên quan đến nghĩa vụ tuân thủ pháp luật thuế xuất nhập khẩu của doanh nghiệp Việt Nam và kết quả khảo sát 399 doanh nghiệp xuất nhập khẩu năm 2019 để phân tích và đánh giá về nghĩa vụ tuân thủ pháp luật thuế xuất nhập khẩu của doanh nghiệp Việt Nam. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là hành vi tuân thủ pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu của doanh nghiệp Đồng bằng Sông Cửu Long.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi không gian: đề tài tập trung nghiên cứu ở các tỉnh ĐBSCL.

Phạm vi thời gian:

+ Dữ liệu thứ cấp phục vụ cho nghiên cứu được thu thập và phân tích cho giai đoạn năm 2020 đến tháng 12/2022.

+ Dữ liệu sơ cấp được thu thập trong năm 2023.

+ Đề tài được thực hiện từ tháng 6/2022 đến tháng 6/2023.

Phạm vi nghiên cứu của đề tài: Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu (bao gồm các lĩnh vực thuế liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu).

3. Mục đích và nhiệm vụ của đề tài

Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu của các doanh nghiệp ĐBSCL. Trên cơ sở đó đề xuất giải pháp nâng cao tính tuân thủ của doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động xuất nhập khẩu của các Cục Hải quan trên địa bàn ĐBSCL.

4. Phương pháp và thiết kế nghiên cứu

Đề tài sử dụng phương pháp hỗn hợp (định lượng và định tính) để nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ thuế xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp ở khu vực ĐBSCL.

Nghiên cứu chia thành hai giai đoạn:

Giai đoạn một: nghiên cứu định tính được sử dụng để thăm dò và xác định các khía cạnh của hành vi tuân thủ pháp luật thuế xuất nhập khẩu từ quan điểm của các doanh nghiệp và cơ quan nhà nước (Hải quan) dựa trên nền tảng lý thuyết hành vi dự định (TPB). Dữ liệu định tính được thu thập thông qua phỏng vấn bán cấu trúc (Bryman, 1989). Đây là phương pháp phỏng vấn dựa theo danh mục các câu hỏi về vấn đề nghiên cứu, nhằm tìm hiểu quan điểm và suy nghĩ của những người tham gia phỏng vấn.

Mục tiêu là xác định các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ pháp luật thuế và hoàn thiện bảng câu hỏi để chuyển sang giai đoạn hai.

Giai đoạn hai: Tiến hành thu thập dữ liệu từ bảng câu hỏi sau đó tổng hợp lại và tiến hành thống kê mô tả, kiểm định thang đo, phân tích nhân tố khám phá (EFA), phân tích hồi quy đa biến.

5. Những điểm mới của đề tài

Đề tài nghiên cứu thực nghiệm về hành vi tuân thủ pháp luật thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp ở ĐBSCL để tìm ra các yếu tố làm ảnh hưởng đến hành vi chấp hành pháp luật thuế xuất khẩu, nhập khẩu. Từ đó, đề ra các giải pháp để đảm bảo việc tuân thủ và thực thi chính sách thuế tối ưu, nâng cao hiệu quả quản lý thuế của cơ quan hải quan cũng như thúc đẩy mức độ tuân thủ tự nguyện của doanh nghiệp.

6. Ý nghĩa của đề tài

Xác định các yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu của doanh nghiệp sẽ giúp cơ quan quản lý thuế có những *cải tiến trong chính sách, quy trình quản lý thuế* nhằm tác động đến hành vi tuân thủ pháp luật thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu của Doanh nghiệp ở ĐBSL. Khi hành vi tuân thủ đã được nâng cao, doanh nghiệp có ý thức tự nguyện trong việc tuân thủ pháp luật thuế sẽ góp phần:

+ Giảm chi phí quản lý thuế (không phải thường xuyên thực hiện công tác kiểm tra, giám sát...)

+ Tăng thu cho ngân sách nhà nước: khi hành vi tuân thủ được nâng cao về mặt lý thuyết sẽ giảm được khoảng cách giữa: Số tiền thuế phải thu theo quy định so với số tiền thuế đã thu. Doanh nghiệp tự nguyện tuân thủ và khai báo đúng, đầy đủ, kịp thời theo quy định pháp luật, không có hành vi gian lận, trốn thuế, khai báo sai làm giảm số tiền thuế phải nộp.

+ Cải cách thủ tục hành chính: giảm bớt một số quy trình, thủ tục giúp cho việc khai báo hải quan được thuận tiện, thông quan hàng hóa nhanh chóng hơn..... từ đó giảm chi phí cho Doanh nghiệp, tăng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đối với các Cục Hải quan tỉnh, thành phố quản lý địa bàn ĐBSCL:

Thông qua nghiên cứu của đề tài sẽ nắm bắt được thực trạng tuân thủ pháp luật về thuế và công tác quản lý thuế tại địa bàn quản lý còn tồn tại những bất cập, hạn chế nào và các yếu tố quyết định đến hành vi tuân thủ pháp luật thuế của doanh nghiệp, từ đó góp phần kiểm soát được những hành vi không tuân thủ và định hướng hành vi, hướng các doanh nghiệp trở thành doanh nghiệp tuân thủ pháp luật thuế.

Đối với các doanh nghiệp trên địa bàn ĐBSCL: Việc nâng cao tính tự nguyện tuân thủ pháp luật về thuế sẽ giúp các doanh nghiệp trên địa bàn ĐBSCL ngày càng thuận lợi trong quá trình làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất nhập khẩu, thúc đẩy hoạt động kinh doanh phát triển, phòng tránh các trường hợp thiệt hại phát sinh từ việc không tuân thủ pháp luật thuế như xử phạt vi phạm hành chính, nộp tiền chậm nộp... Từ đó, càng góp phần nâng cao uy tín và lợi ích của doanh nghiệp.

7. Bố cục của đề tài

Chương 1. Cơ sở lý luận về quản lý thuế và tuân thủ pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

Chương 2. Thực trạng tuân thủ pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu của doanh nghiệp Đồng bằng sông Cửu Long dựa trên đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi của doanh nghiệp

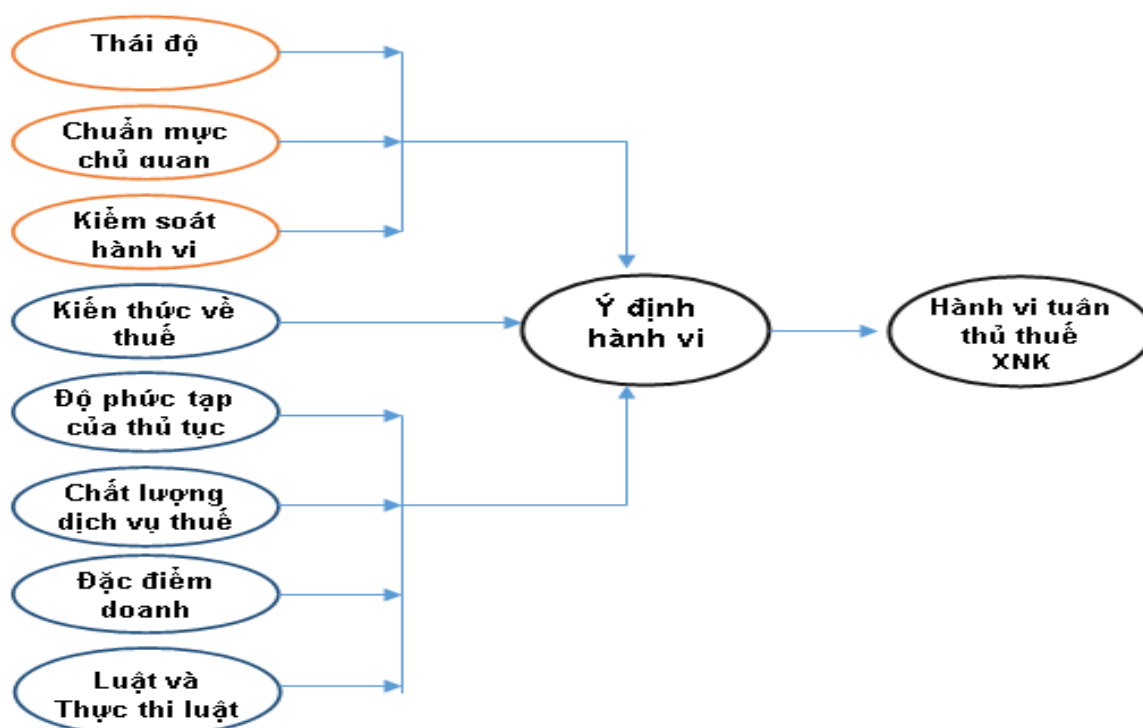
Chương 3. Một số giải pháp nâng cao tính tuân thủ pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu của doanh nghiệp Đồng bằng sông Cửu Long.

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ THUẾ VÀ TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ THUẾ XUẤT KHẨU, THUẾ NHẬP KHẨU

- Làm rõ cơ sở lý luận, các khái niệm về thuế, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, quản lý thuế, hành vi tuân thủ, hành vi tuân thủ thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu của các doanh nghiệp ĐBSCL.

- Chọn lọc và tiếp thu 6 nghiên cứu nước ngoài, 5 nghiên cứu trong nước; kết hợp thu thập và chọn lọc các kinh nghiệm thực tế hơn 3 nước trên thế giới có liên quan đến việc quản lý thuế xuất khẩu nhập khẩu.

- NNC xây dựng Mô hình nghiên cứu gồm 8 yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu phù hợp với doanh nghiệp ĐBSCL.



CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG TUÂN THỦ PHÁP LUẬT THUẾ XUẤT KHẨU, THUẾ NHẬP KHẨU CỦA DOANH NGHIỆP ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG DỰA TRÊN ĐÁNH GIÁ CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HÀNH VI CỦA DOANH NGHIỆP

2.1. Tình hình tuân thủ pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu của doanh nghiệp ĐBSCL

2.1.1. Khái quát tình hình XNK của doanh nghiệp và tình hình quản lý XNK của hải quan ĐBSCL:

NNC đã thu thập số liệu, đánh giá tình hình XNK của hơn 3200 Doanh nghiệp, tình hình thu thuế, làm thủ tục XNK của 6 Cục Hải quan quản lý địa bàn của 13 tỉnh ĐBSCL trong 3 năm từ 2020-2022. Theo đó hoạt động XNK không đồng đều giữa các địa bàn và các năm; Năm 2022, ĐBSCL đạt kim ngạch XNK 30,74 tỷ USD (XK 12,15 tỷ, NK 8,41 tỷ USD). Nộp NSNN 10.854,69 tỷ đồng. Mặt hàng NL dệt may, da giày có số thu chiếm tỷ trọng cao 16,52%. Số thu thuế từ xuất khẩu 113,18 tỷ đồng, chủ yếu từ mặt hàng phân bón (90,61 tỷ đồng) và nhóm mặt hàng kim loại và sản phẩm từ kim loại (11,62 tỷ đồng).

Trong 03 năm (từ năm 2020 đến năm 2022), cơ quan hải quan khu vực ĐBSCL đã phát hiện và xử lý 1.596 vụ vi phạm (vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan đối với 1.586 vụ). Cho thấy vi phạm còn phổ biến, việc tuân thủ thuế chưa cao.

Hoạt động XNK liên quan trực tiếp và chủ yếu theo Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Hải quan, Luật Quản lý thuế. Luật thuế GTGT. Tuy nhiên các quy định pháp luật còn tồn tại một số bất cập, cụ thể:

2.1.2. Văn bản quy phạm pháp luật chưa cụ thể, chưa chi tiết

- Quy định tại Khoản 3 Điều 14 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP quy định “Dự án đầu tư thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư và không thuộc ngành nghề ưu đãi đầu tư thì được miễn thuế đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định phục vụ sản xuất của dự án ưu đãi đầu tư”. Tuy nhiên, chưa hướng dẫn cụ thể

“tài sản cố định phục vụ sản xuất” được hiểu như thế nào? không trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất thì có được miễn thuế nhập khẩu?

- Khoản 8 Điều 16 Luật Thuế XK, thuế NK năm 2016 chưa quy định cụ thể các trường hợp được miễn thuế, các trường hợp phải nộp thuế đối với hàng hóa sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại khu phi thuế quan.

- Khoản 9 Điều 16 Luật Thuế XK, thuế NK chưa quy định rõ các điều kiện miễn thuế để làm cơ sở xác định đối tượng miễn thuế NK theo quy định.

- Quy định về miễn thuế tại Khoản 11 Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu:

“11. Hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định của đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, bao gồm:

a) Máy móc, thiết bị; *linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng để lắp ráp đồng bộ hoặc sử dụng đồng bộ với máy móc, thiết bị*; nguyên liệu, vật tư dùng để chế tạo máy móc, thiết bị hoặc để chế tạo linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng của máy móc, thiết bị;

.....”

+ Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu 107/2016/QH13 ngày 06/4/2016 chưa có khái niệm cụ thể thế nào là “*linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng để lắp ráp đồng bộ hoặc sử dụng đồng bộ với máy móc, thiết bị*”.

+ Đồng thời, hồ sơ miễn thuế nhập khẩu theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ chưa quy định về việc người nộp thuế phải nộp hợp đồng chế tạo máy móc, thiết bị hoặc hợp đồng chế tạo linh kiện, chi tiết bộ phận rời, phụ tùng của máy móc, thiết bị để làm cơ sở cho việc miễn thuế đối với “nguyên liệu, vật tư dùng để chế tạo máy móc, thiết bị hoặc để chế tạo linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng của máy móc, thiết bị”.

- Quy định tại Khoản 3 Điều 14 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP về “Dự án đầu tư thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư và không thuộc ngành nghề ưu đãi đầu

tư thì được miễn thuế đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định phục vụ sản xuất của dự án ưu đãi đầu tư”. Tuy nhiên, chưa hướng dẫn cụ thể “tài sản cố định phục vụ sản xuất” được hiểu như thế nào?

- Qui định tại Điểm b.2 Khoản 3 Điều 25 Thông tư số 38/2015/TT-BTC đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 14 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC thì chưa qui định cụ thể về quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan hải quan và cơ quan thuế trong việc thực hiện kiểm tra, xác định và phản hồi kết quả kiểm tra, xác định giá để cơ quan hải quan cập nhật vào cơ sở dữ liệu giá trong trường hợp này là như thế nào; Thuật ngữ “cao đột biến” không “định lượng” được.

- Quy định về tự chứng nhận xuất xứ chỉ đưa ra khái niệm tại Khoản 7, Khoản 8 Điều 3 và Điều 25 Nghị định số 31/2018/NĐ-CP. Chưa có hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục cũng như tiêu chí để doanh nghiệp tự chứng nhận xuất xứ.

- Quy định tại tại Khoản 1 Điều 3 Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015 thì “máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp” thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng. Tuy nhiên, Luật chưa quy định bao quát mặt hàng nào được coi là máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp.

2.1.3. Văn bản quy phạm pháp luật chưa đầy đủ, chưa dự kiến được hết các trường hợp phát sinh trong thực tiễn

- Luật Thuế XK, thuế NK chưa quy định về việc miễn thuế đối với dự án chuyển nhượng của công ty mẹ cho công ty con, dự án chuyển nhượng của các đơn vị thành viên trong cùng một tập đoàn. Chưa quy định đầy đủ nhóm đối tượng. - Chưa có quy định về thời hạn bắt buộc phải có sản phẩm XK

- Không có chế tài xử phạt về hành vi không ký biên bản kiểm tra sau thông quan (quy định tại Khoản 8 Điều 82 Luật Hải quan). Chưa có quy định về thời hiệu Kết luận kiểm tra sau, về nội dung điều chỉnh bổ sung kết luận kiểm tra sau.

- Luật quản lý thuế quy định chưa đầy đủ: về trách nhiệm của người nộp thuế (Điều 17), về hồ sơ khai thuế (Điều 43); về thời hạn nộp thuế (Điều 55); về thứ tự thanh toán tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt (Điều 57); về kiểm tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế (Điều 110); cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế (Điều 124); Biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế (Điều 125).

- Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP đã bổ sung khoản 1c vào Điều 3³, theo đó có quy định chi tiết nhóm hàng “máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp” gồm 27 loại máy móc, thiết bị và “các loại máy chuyên dùng khác”, đồng thời còn quy định thêm “Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn các loại máy chuyên dùng *khác* dùng cho sản xuất nông nghiệp thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng theo quy định tại khoản này”. Pháp luật về thuế giá trị gia tăng cũng chưa quy định đầy đủ máy móc, thiết bị chuyên dùng trong nông nghiệp.

2.1.4. Những bất cập trong việc áp dụng quy định của pháp luật

- Thuế suất thuế NK: Một số mặt hàng nhập khẩu áp mã số đồng bộ có thuế suất cao hơn thuế suất hàng tháo rời, bị lợi dụng tháo rời dây chuyền để hưởng thuế suất thuế NK thấp.

- Quy định về mục đích sử dụng trong nông nghiệp:

Bộ Tài chính hướng dẫn⁴: Đối với máy móc, thiết bị chuyên dùng khác

³ “1c. Tàu đánh bắt xa bờ; *máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp* gồm: Máy cày; máy bừa; máy phay; máy rạch hàng; máy bạt gốc; thiết bị san phẳng đồng ruộng; máy gieo hạt; máy cấy; máy trồng mía; hệ thống máy sản xuất mạ thâm; máy xới, máy vun luống, máy vãi, rắc phân, bón phân; máy, bình phun thuốc bảo vệ thực vật; máy thu hoạch lúa, ngô, mía, cà phê, bông; máy thu hoạch củ, quả, rễ; máy đốn chè, máy hái chè; máy tuốt đập lúa; máy bóc bẹ tẻ hạt ngô; máy tẻ ngô; máy đập đậu tương; máy bóc vỏ lạc; xát vỏ cà phê; máy, thiết bị sơ chế cà phê, thóc ướt; máy sấy nông sản (lúa, ngô, cà phê, tiêu, điều...), thủy sản; máy thu gom, bóc mía, lúa, rơm rạ trên đồng; máy áp, nở trứng gia cầm; máy thu hoạch cỏ, máy đóng kiện rơm, cỏ; máy vắt sữa và các loại máy chuyên dùng khác.

Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn các loại máy chuyên dùng khác dùng cho sản xuất nông nghiệp thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng theo quy định tại khoản này.”

⁴ Xem khoản 2 công văn số 1677/BTC-TCT ngày 29/01/2016 của Bộ Tài chính về thuế giá trị gia tăng đối với máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ sản xuất nông nghiệp.

chưa được nêu tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BTC⁵, điểm 1 Công văn số 12848/BTC-CST ngày 15/9/2015⁶ và điểm 1 Công văn số 1677/BTC-TCT ngày 29/01/2016⁷, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố xác nhận theo nguyên tắc: Máy, thiết bị và linh kiện đồng bộ để lắp ráp thành máy móc, thiết bị sử dụng trong nông nghiệp và không thể sử dụng cho mục đích khác là máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ sản xuất nông nghiệp thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật thuế.

Việc áp dụng chính sách thuế giá trị gia tăng dựa theo mục đích sử dụng của hàng hóa sẽ rất khó xác định. Hàng hóa có thể miễn hoặc thu thuế tùy thuộc vào ý kiến cơ quan chuyên ngành.

2.2. Kết quả khảo sát, phân tích, đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ pháp luật về thuế của doanh nghiệp.

Kết quả khảo sát bằng bảng câu hỏi có 310 phiếu đủ điều kiện để đưa vào phân tích.

a) Đánh giá độ tin cậy của thang đo với hệ số Cronbach's Alpha

Hệ số tin cậy Cronbach's Alpha được sử dụng để loại các biến không phù hợp, các biến có hệ số tương quan biến - tổng nhỏ hơn 0,3 sẽ bị loại. Thang đo được đánh giá là có chất lượng khi hệ số Cronbach's Alpha đạt giá trị từ 0,6 trở lên (Nunally,1978; Peterson,1994; Slater, 1995).

Sau khi tiến hành kiểm định Cronbach Alpha, nghiên cứu sử dụng 8 thang đo và 54 biến đặc trưng (Bảng 2.13. Các biến đặc trưng và thang đo đáp ứng yêu cầu)

b) Kết quả phân tích nhân tố khám phá (EFA)

⁵ Gồm 27 nhóm máy móc, thiết bị chuyên dùng trong nông nghiệp.

⁶ Gồm 12 nhóm máy móc, thiết bị chuyên dùng trong nông nghiệp.

⁷ Gồm 12 nhóm máy móc, thiết bị chuyên dùng trong nông nghiệp.

Sau khi đã kiểm định chất lượng thang đo và đảm bảo thang đo đạt yêu cầu, nghiên cứu đưa vào phân tích nhân tố khám phá cho 7 nhân tố: Thái độ (TD), Nhận thức kiểm soát hành vi (KS), Chuẩn mực chủ quan (CM), Kiến thức thuế (KT), Độ phức tạp của thủ tục hải quan (PTHQ), Chất lượng dịch vụ (DV), Luật và Thực thi luật thuế (PL) (biến độc lập tác động đến ý định hành vi như trong mô hình nghiên cứu đã trình bày) và phân tích nhân tố khám phá riêng cho 01 nhân tố Ý định hành vi (YD) (biến phụ thuộc).

c) Kết quả phân tích cho các nhân tố độc lập

c.1) Kết quả phân tích dữ liệu lần đầu

- Kết quả phân tích EFA cho thấy từ 7 nhân tố ban đầu với 43 biến quan sát, qua quá trình phân tích nhân tố với phương pháp quay Principal Component Analysis và phép quay Varimax thu được kết quả như sau: hệ số KMO bằng 0,859 ($0,50 \leq KMO \leq 1$) với mức ý nghĩa thống kê (Sig.) của Kiểm định Bartlett là 0,000 ($<0,05$) cho thấy phân tích nhân tố là phù hợp với dữ liệu nghiên cứu và các biến quan sát tương quan tuyến tính với nhân tố đại diện. Có 10 nhân tố được trích, giá trị hệ số Eigenvalue lớn hơn 1 với tổng phương sai tích lũy là 65,405% ($>50\%$) nên giải thích được 65,405% sự biến thiên của dữ liệu, như vậy giải thích là khá tốt.

- NNC thống nhất sử dụng hệ số tải Factor Loading từ 0,5 trở lên để chọn ra các biến đặc trưng chất lượng. So sánh ngưỡng này thì kết quả ở bảng ma trận xoay, có hai biến xấu là **DV4** và **DV9** cần xem xét loại bỏ do có hệ số tải nhỏ hơn 0,5.

c.2) Kết quả phân tích dữ liệu lần hai

Sau khi phân tích nhân tố khám phá từ 41 biến đặc trưng cho các nhân tố độc lập thì trích được 09 nhân tố phù hợp với mô hình lý thuyết.

đ) Kết quả phân tích hồi quy đa biến

Sau khi kiểm định độ tin cậy của thang thông qua hệ số Cronbach's Alpha và phân tích các nhân tố khám phá đã thiết lập mô hình hiệu chỉnh các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ pháp luật thuế xuất khẩu, nhập khẩu

của doanh nghiệp khu vực ĐBSCL. Từ mô hình hiệu chỉnh này, để xem xét nhân tố nào thật sự tác động đến ý định hành vi một cách trực tiếp, NNC sử dụng mô hình hồi quy tuyến.

Kết quả phân tích mô hình hồi quy tuyến tính bằng SPSS được kiểm định cho thấy có 10 yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ thuế của doanh nghiệp ở ĐBSCL là: Kiến thức thuế, Thái độ đối với hành vi tuân thủ thuế, Độ phức tạp của thủ tục hải quan, Chất lượng dịch vụ liên quan đến công chức và trang thiết bị, Nhận thức kiểm soát hành vi, Thực thi luật thuế, Luật thuế, Chất lượng dịch vụ của cơ quan hải quan, Thời gian hoạt động của doanh nghiệp, Vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp.

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO TÍNH TUÂN THỦ PHÁP LUẬT THUẾ XUẤT KHẨU, THUẾ NHẬP KHẨU CỦA DOANH NGHIỆP ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

3.1. Cơ sở đề ra giải pháp

Nguồn lực của đơn vị và tình hình thực tế liên quan hoạt động xuất nhập khẩu, cơ quan hải quan, Nhóm nghiên cứu tổng hợp 7 nhóm giải pháp chính (xem mục 3.2) kèm 4 nhóm kiến nghị (xem mục 3.3) nhằm tác động vào 10 yếu tố có ảnh hưởng để nâng cao tuân thủ (xem Bảng 3.1).

Bảng 3.1. Cơ sở đề xuất các giải pháp

TT	Tên yếu tố	Cơ sở đề xuất giải pháp	Nhóm giải pháp
1	Thái độ đối với hành vi (TD)	Kết quả nghiên cứu cho thấy khi doanh nghiệp có thái độ tích cực về việc tuân thủ pháp luật thuế thì sẽ có mức độ hành vi tuân thủ pháp luật thuế cao hơn.	1. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật để nâng cao thái độ tích cực của DN
2	Kiến thức thuế (KT)	Kết quả phân tích hồi quy cũng chỉ ra rằng, các doanh nghiệp có hiểu biết về pháp luật thuế xuất nhập khẩu thì có ý định hành vi tuân thủ pháp luật thuế tốt hơn	2. Gia tăng kiến thức thuế của DN
3	Độ phức tạp của thủ tục hải quan (PTHQ)	Khi các thủ tục hải quan đơn giản, dễ dàng thực hiện thì các doanh nghiệp sẽ ít bị sai sót hơn	3. Đơn giản hóa thủ tục hải quan

		trong quá trình khai báo thuế (các sai sót này có thể là do thủ tục quá phức tạp, không rõ ràng, thường xuyên thay đổi)	
4	Chất lượng dịch vụ của cơ quan hải quan (DVCOQUAN)	Nghiên cứu cho thấy khi cơ quan hải quan sẵn sàng cung cấp thông tin chính xác; kịp thời triển khai các quy định mới về thủ tục hải quan, chính sách thuế đến Công ty; luôn sẵn sàng giải đáp các vướng mắc của Công ty sẽ tác động ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp	4. Nâng cao chất lượng dịch vụ ngành hải quan,
5	Chất lượng dịch vụ liên quan đến công chức và trang thiết bị (DVCONGCHUC)	Nghiên cứu còn cho thấy, sự phối hợp giữa doanh nghiệp khi doanh nghiệp nhận được sự hỗ trợ nhiệt tình, tích cực từ Cơ quan hải quan và Công chức hải quan thì có hành vi tuân thủ thể tốt hơn. Chẳng hạn như: công	nâng cao chất lượng dịch vụ liên quan đến công chức và trang thiết bị để nâng cao hành vi tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp

		chức hải quan có năng lực, trình độ tốt khi hướng dẫn doanh nghiệp làm hồ sơ thủ tục hải quan sẽ giúp doanh nghiệp hoàn thiện các thủ tục chính xác, ít sai sót.	
6	Luật thuế (PL)	Các quy định liên quan đến pháp luật thuế càng rõ ràng, cụ thể giúp DN dễ thực hiện, hạn chế sai sót, nâng cao hành vi tuân thủ thuế	5. Hoàn thiện các quy định của pháp luật
7	Thực thi pháp luật (TTPL)	Tăng cường công tác thực thi pháp luật thuế của cơ quan hải quan giúp nâng cao hành vi tuân thủ thuế. Hay nói cách khác, các doanh nghiệp sẽ có ý thức tuân thủ thuế tốt hơn nếu họ nhận thức rằng khi DN vi phạm thì hành vi vi phạm của DN sẽ bị cơ quan hải quan phát hiện kịp thời và việc thực thi các quyết định	6. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát hải quan nhằm nâng cao hiệu quả công tác thực thi pháp luật của cơ quan hải quan và đồng thời nâng cao nhận thức kiểm soát hành vi của doanh nghiệp

		xử lý vi phạm sẽ được thực hiện quyết liệt, đến cùng, DN không thể trì hoãn việc nộp phạt hoặc đóng thuế bổ sung.	
8	Nhận thức kiểm soát hành vi (KS)	Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng khi doanh nghiệp nhận thức được rằng việc thực hiện một hành vi không tuân thủ thuế như: cố tình khai báo sai đối tượng chịu thuế, vi phạm các quy định về thuế sẽ dễ dàng bị cơ quan hải quan phát hiện thì doanh nghiệp sẽ có ý thức tuân thủ thuế tốt hơn. Hay nói cách khác, khi doanh nghiệp nhận thức rằng tất cả các sai phạm của doanh nghiệp đều sẽ bị cơ quan hải quan phát hiện thì doanh nghiệp đó sẽ không cố ý thực hiện các hành vi vi phạm.	
9	Thời gian hoạt động của công ty (TG)	DN có thời gian hoạt động càng lâu, có nhiều kinh nghiệm càng có	7. Hoàn thiện công tác quản lý doanh nghiệp

		hành vi tuân thủ thuế tốt hơn	
10	Vốn chủ sở hữu của công ty (VCSH)	DN có vốn chủ sở hữu càng lớn, nguồn lực tài chính mạnh có hành vi tuân thủ thuế tốt hơn	

Nguồn: Nhóm nghiên cứu tổng hợp

3.2. Bảy nhóm giải pháp nâng cao tính tuân thủ pháp luật

Giải pháp 1. Hoàn thiện các quy định của pháp luật

- Đảm bảo các nguyên tắc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật như: tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất; tính minh bạch; tính khả thi, hiệu quả, bảo đảm yêu cầu cải cách thủ tục hành chính.

+ Luật thuế XK, NK cần bổ sung thêm khái niệm về máy móc thiết bị đồng bộ.

+ Thông tư 38/2015/TT-BTC tại Phụ lục II các chỉ tiêu tin liên quan đến thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa XK, NK, cần bổ sung thêm nội dung phải khai trên tờ khai điện tử đối với tờ khai tại chỗ là người Nhập khẩu không hiện diện theo khoản 3 Điều 3 Luật Quản lý ngoại thương.

- Khoản 3 Điều 25 Luật Hải quan năm 2014 bổ sung quy định thời gian người khai hải quan phải nộp các chứng từ điện tử, cần bổ sung luật hóa đối với trường hợp hủy tờ khai.

- Quy định QLRR: Cần thiết lập cảnh báo rủi ro trên hệ thống hải quan điện tử đối với trường hợp hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt, có C/O hợp lệ nhưng hàng hóa quá cảnh qua nước thứ ba để giảm thiểu rủi ro gian lận xuất xứ.

- Công khai hoá các văn bản pháp quy và thủ tục liên quan đến hoạt động hải quan tại các chi cục hải quan. các vướng mắc về chính sách thủ tục của các doanh nghiệp phải được xử lý kịp thời, hoặc báo cáo TCHQ xử lý kịp thời đối trường hợp vượt quá thẩm quyền.

Giải pháp 2. Đơn giản hóa thủ tục hải quan

- Chi cục hải quan không được yêu cầu nộp thêm giấy tờ không cần thiết và không theo quy định. Đảm bảo các thủ tục hải quan được thực hiện thống nhất về quy định, về hồ sơ hải quan.

- Cắt giảm danh mục kiểm tra chuyên ngành, cắt giảm danh mục quản lý rủi ro trong các lĩnh vực nghiệp vụ hải quan, chuyển đổi cơ bản hồ sơ hải quan sang chứng từ điện tử (không yêu cầu nộp bản giấy). Các thủ tục về kiểm tra chuyên ngành, đăng ký giấy phép nhập khẩu với các Bộ ngành có liên quan đều được DN thực hiện đăng ký trên hệ thống Một cửa quốc gia và các dữ liệu trên Hệ thống một cửa quốc gia tự động kết nối liên thông với hệ thống dữ liệu của cơ quan hải quan nhằm đảm bảo việc thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực hải quan của DN được thuận lợi, nhanh chóng, tiết kiệm được thời gian và chi phí cho DN.

- Cơ quan hải quan chủ động, tăng cường phối hợp hướng dẫn doanh nghiệp các bước của quy trình thủ tục hải quan để thực hiện tốt khâu khai báo, xuất trình hồ sơ, hàng hóa phục vụ cho công tác kiểm tra và thông quan hàng hóa.

- Cục Hải quan cần triển khai thực hiện có hiệu quả các chỉ tiêu về cải cách hành chính, đơn giản hóa thủ tục hải quan nhằm tạo thuận lợi thương mại theo Quyết định số 123/QĐ-TCHQ ngày 31/01/2023 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan.

- Duy trì kết nối Cơ chế một cửa ASEAN để trao đổi thông tin chứng nhận xuất xứ mẫu D điện tử với tất cả các nước thành viên; đồng thời đề xuất xây dựng giải pháp, lộ trình kết nối chứng từ xuất xứ dưới dạng dữ liệu điện tử với các đối tác khác.

- Chuyển cuộc thực hiện tham vấn giá theo hình thức gián tiếp của DN hạng 1 đến 4.

Giải pháp 3. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật

- Xây dựng cơ chế tuyên truyền, phổ biến pháp luật theo hướng hiện đại, tin học hoá để đáp ứng các yêu cầu liên quan đến pháp luật hải quan của đại bộ phận các đối tượng là doanh nghiệp, các chủ thể khác có liên quan đến hoạt động Hải quan. Phối hợp với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các Hiệp hội ngành hàng tổ chức các hội nghị, hội thảo với cộng đồng doanh nghiệp để trao đổi, giải quyết vướng mắc của DN, tuyên truyền phổ biến pháp luật hải quan, công khai các văn bản quy phạm pháp luật về hải quan và các văn bản hướng dẫn có liên quan đến cộng đồng DN có hoạt động XK, NK.

- Đổi mới hình thức tuyên truyền, phổ biến pháp luật, có thể xây dựng các tiểu phẩm, chuyên mục về hải quan để tuyên truyền trên đài truyền hình, phát thanh tại khu vực ĐBSCL hoặc tổ chức các hội nghị trực tuyến để tuyên truyền, phổ biến pháp luật theo chuyên đề tại khu vực ĐBSCL theo từng nhóm doanh nghiệp có cùng ngành hàng hoặc loại hình xuất nhập khẩu; xây dựng diễn đàn trao đổi thông tin Hải quan - Doanh nghiệp ĐBSCL, theo đó giao cho một đơn vị hải quan chủ trì, các đơn vị còn lại phối hợp để tuyên truyền, phổ biến kịp thời văn bản mới về lĩnh vực hải quan, đồng thời mỗi doanh nghiệp sẽ có đầu mối để tiếp nhận văn bản mới.

Giải pháp 4. Gia tăng kiến thức thuế của DN

- Tổ chức khảo sát nhu cầu đào tạo của doanh nghiệp, qua đó ngành Hải quan xây dựng Chương trình đào tạo phù hợp, sát thực tiễn và tổ chức các khóa đào tạo trực tuyến để cập nhật kiến thức về thuế cho doanh nghiệp khu vực ĐBSCL.

- Kịp thời tổ chức các hội thảo để triển khai các quy định của pháp luật trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan đến doanh nghiệp để doanh nghiệp hiểu rõ và thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Đặc biệt những chính sách liên quan hàng hóa XNK của DN ĐBSCL như thủy sản, may mặc, chế biến... tăng cường phổ biến pháp luật theo hình thức trực tuyến online để tiết kiệm được thời gian, chi phí đi lại của DN. Giải đáp vướng mắc theo

phương thức trực tuyến 24/7 để tháo gỡ kịp thời các vướng mắc về chính sách cho DN.

- Thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo nghiệp vụ hải quan, nghiệp vụ về thuế XK, thuế NK, các quy định của pháp luật về hải quan đến đối tượng doanh nghiệp nhằm nâng cao tính tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp.

Giải pháp 5. Nâng cao chất lượng dịch vụ ngành hải quan

- Thường xuyên nâng cấp trang web nhất là cập nhật mới các văn bản có liên quan đến chế độ chính sách, kịp thời triển khai các quy định mới về thủ tục hải quan, chính sách thuế trên trang web, niêm yết công khai tại trụ sở hải quan, cung cấp thông tin về quy định của pháp luật để doanh nghiệp hiểu và thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin nghiệp vụ hải quan hiện đại, thông minh, đáp ứng các yêu cầu quản lý hải quan để tiếp nhận, trao đổi thông tin, tra cứu và theo dõi quá trình giải quyết thủ tục hành chính, trả kết quả thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực hải quan với các tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục, giải đáp kịp thời các phản ánh, vướng mắc của DN theo đúng quy định.

- Xây dựng, phát triển đội ngũ công chức hải quan các cấp có trình độ chuyên môn sâu, tác phong làm việc chuyên nghiệp, làm chủ được công nghệ. xây dựng và phát triển đội ngũ chuyên gia nghiệp vụ Hải quan vùng ĐBSCL.

- Trang thiết bị hiện đại, đủ về số lượng, cơ cấu phù hợp, được tổ chức, quản lý khoa học, gắn với nhu cầu thực tiễn của vị trí việc làm với năng lực của từng cá nhân, đáp ứng mô hình quản lý hải quan hiện đại.

- Cần tập trung phổ biến, giáo dục pháp luật cho công chức trong ngành về các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực hải quan, các kiến thức về quản lý thuế, các kỹ thuật nghiệp vụ hải quan.

Giải pháp 6. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm soát hải quan nhằm nâng cao hiệu quả công tác thực thi pháp luật của cơ quan hải quan

- Tăng cường công tác thu thập thông tin, phân tích rủi ro của DN. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động thu thập thông tin phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra theo hướng tự động xác định đối tượng cần kiểm tra, thanh tra, áp dụng chỉ số tiêu chí lựa chọn kiểm tra, thanh tra đối với các đối tượng có dấu hiệu vi phạm, dấu hiệu rủi ro trong hoạt động XNK.

- Phối hợp chặt chẽ giữa khâu thông quan và sau thông quan, trao đổi thông tin và các dấu hiệu nghi vấn để việc kiểm tra, xử lý kịp thời. Tăng cường rà soát các tờ khai luồng xanh chưa được kiểm tra trong thông quan. Tập trung thu thập và tiến hành kiểm tra sau đối với doanh nghiệp có dấu hiệu vi phạm và mức độ rủi ro cao.

- Tăng cường hoạt động kiểm soát hải quan cũng góp phần ngăn chặn, đẩy lùi nguy cơ buôn lậu, gian lận thương mại, vận chuyển trái phép hàng hóa, ma túy, chất nổ, vũ khí, chất thải, sản phẩm và mẫu động, thực vật hoang dã qua biên giới; qua đó góp phần nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật của DN.

Giải pháp 7. Hoàn thiện công tác quản lý doanh nghiệp

- Thực hiện công tác quản lý DN trên cơ sở áp dụng phương pháp quản lý rủi ro, thực hiện cập nhật đầy đủ thông tin hồ sơ DN (như thông tin về vốn chủ sở hữu, thời gian hoạt động của DN, kim ngạch XNK của DN) thuộc địa bàn quản lý vào Hệ thống Quản lý rủi ro;

- Việc phân luồng kiểm tra sẽ được kết hợp giữa thông tin về hàng hóa XNK với thông tin về phân loại DN tuân thủ; trong đó ưu tiên miễn kiểm tra trong thông quan đối với các doanh nghiệp tuân thủ tốt PLHQ (các doanh nghiệp này sẽ được kiểm tra, đánh giá ở khâu sau thông quan);

- Việc áp dụng biện pháp kiểm tra Hải quan trong quá trình làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa XNK phải đáp ứng nguyên tắc chung là “Việc xác định hàng hóa phải kiểm tra thực tế được dựa trên quản lý rủi ro thông qua phân luồng của Hệ thống”.

- Triển khai chương trình khuyến khích người khai hải quan tự nguyện tuân thủ pháp luật. Căn cứ kết quả đánh giá tuân thủ pháp luật cơ quan hải

quan thực hiện phân tích bản chất hành vi, quy mô của mỗi mức độ tuân thủ pháp luật của người nộp thuế, xây dựng kế hoạch nâng cao tuân thủ pháp luật với các biện pháp xử lý phù hợp với mỗi vấn đề tuân thủ như sau:

(1) Đối với trường hợp tuân thủ cao: Đưa vào danh sách xem xét, lựa chọn tuyên dương, khen thưởng người nộp thuế tuân thủ pháp luật.

(2) Đối với các trường hợp cần nâng cao tuân thủ: Phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan để triển khai các biện pháp hỗ trợ người nộp thuế thực hiện các thủ tục về thuế; tổ chức các chương trình tiếp xúc với người nộp thuế, hội nghị đối thoại, hội thảo, đào tạo giúp người nộp thuế thực hiện đúng, đủ nghĩa vụ thuế.

- Ngoài ra, căn cứ vào các mức độ rủi ro của người nộp thuế được đánh giá từ Hệ thống quản lý rủi ro của ngành Hải quan để áp dụng các biện pháp quản lý thuế đối với người nộp thuế.

3.3. Kiến nghị hoàn thiện cơ chế bảo đảm thực hiện pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu

3.3.1. Kiến nghị Quốc Hội

Bổ sung thêm các nội dung Luật Hải quan, Luật thuế XK, NK, Luật quản lý thuế, Luật Thuế GTGT chưa đầy đủ (nêu ở chương 2) .

3.3.2. Kiến nghị Chính phủ

- Hướng dẫn cụ thể “Tài sản cố định phục vụ sản xuất” nêu tại Khoản 3 Điều 14 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ là như thế nào để xác định đúng đối tượng miễn thuế hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định của đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư.

- Bổ sung quy định, hướng dẫn cụ thể thế nào là “*linh kiện, chi tiết, bộ phận rời, phụ tùng để lắp ráp đồng bộ hoặc sử dụng đồng bộ với máy móc, thiết bị*”. Về hồ sơ miễn thuế, kiến nghị Chính phủ bổ sung quy định tại Điều 31 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định cụ thể người nộp thuế phải nộp hợp đồng chế tạo máy móc, thiết bị hoặc hợp

đồng chế tạo linh kiện, chi tiết bộ phận rời, phụ tùng của máy móc, thiết bị để đảm bảo phù hợp và có cơ sở để thực hiện.

3.2.3. Kiến nghị Bộ ngành

- Cần ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể về việc tự chứng nhận xuất xứ theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 31/2018/NĐ-CP, xây dựng bộ tiêu chí để quản lý doanh nghiệp được cho phép tự chứng nhận xuất xứ, xây dựng quy trình, thủ tục liên quan đến việc tự chứng nhận xuất xứ.

- Hướng dẫn cụ thể về cách thức, phạm vi so sánh, đối chiếu với “định mức thực tế đối với hàng hóa tương tự của tổ chức, cá nhân khác” để xác định số tiền thuế theo quy định tại Thông tư số 38/2015/TT-BTC.

- Bổ sung thêm chế tài vào Nghị định 128/2020/NĐ-CP xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi không ký biên bản kiểm tra sau thông quan, quy định tại khoản 8 Điều 82 Luật Hải quan năm 2014.

- Kiến nghị sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 để hướng dẫn cụ thể, chi tiết các loại máy móc, thiết bị chuyên dùng khác phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và cụ thể hóa vào văn bản quy phạm pháp luật về thuế giá trị gia tăng các Danh mục máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp để áp dụng theo từng giai đoạn và sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn.

- Quy định cụ thể về quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan hải quan và cơ quan thuế trong trường hợp chuyển nghi vấn về việc hàng hóa nhập khẩu có trị giá khai báo cao so với mức giá tham chiếu. Hướng dẫn “lượng hóa” cụm từ “cao đột biến” .

3.2.4. Kiến nghị Tổng cục Hải quan

Tổng cục Hải quan phối hợp với các Bộ ngành có liên quan tiếp tục xem xét cắt giảm danh mục kiểm tra chuyên ngành, cắt giảm danh mục quản lý rủi ro trong các lĩnh vực nghiệp vụ hải quan. Quy định cụ thể các Bộ chỉ tiêu thông tin phục vụ cho công tác quản lý rủi ro; cụ thể hóa trách nhiệm và giải trừ trách nhiệm trong tổ chức thực hiện quản lý rủi ro.

Tích hợp các Hệ thống thông tin, dữ liệu còn phân tán đảm bảo thời gian thực hiện; chỉnh sửa, nâng cấp kịp thời các hệ thống, bổ sung đầy đủ công cụ cho việc truy cập, khai thác, phản hồi thông tin, dữ liệu và phục vụ phân tích, đánh giá rủi ro; nâng cấp hạ tầng mạng còn yếu; khắc phục hiện tượng lỗi, tắc nghẽn hệ thống, dữ liệu thất lạc hoặc sai lệch.

Xây dựng tiêu chí và thực hiện đánh giá xếp hạng hàng năm đại lý hải quan công bố trên trang web hải quan.

Việc đánh giá doanh nghiệp ưu tiên cần thực hiện tự động thay thế đánh giá kiểm tra thủ công.

Cần tích hợp các chính sách quản lý thuế, hải quan, chuyên ngành theo mã số hàng hóa.

Tổ chức bộ máy và hoạt động của các đơn vị Hải quan theo hướng Hải quan Vùng ĐBSCL, có các đơn vị nghiệp vụ chuyên sâu.

KẾT LUẬN

Cải cách thủ tục hành chính và quan trọng là xác định được chính xác nghĩa vụ của doanh nghiệp phải thực hiện đối với ngân sách nhà nước, nhằm tạo sự bình đẳng trong hoạt động xuất nhập khẩu, từng bước hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới, thực hiện đúng các cam kết của Việt Nam trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, đồng thời nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động thương mại quốc tế, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Mục tiêu nghiên cứu của đề tài là phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu của các doanh nghiệp ĐBSCL, trên cơ sở đó đề xuất giải pháp nâng cao tính tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động xuất nhập khẩu của các Cục Hải quan trên địa bàn ĐBSCL.

Trong quá trình nghiên cứu và khảo sát thực nghiệm, Nhóm nghiên cứu đã nhận diện và phân tích 8 yếu tố có tác động trực tiếp đến hành vi tuân thủ pháp luật thuế. Đề ra mô hình nghiên cứu trên cơ sở ứng dụng các phương pháp khoa học. Nhóm nghiên cứu sử dụng các phương pháp nghiên cứu phù hợp như phương pháp thống kê mô tả, kiểm định thang đo, phân tích nhân tố khám phá, phân tích hồi quy để phân tích thực trạng tuân thủ pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tuân thủ pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. Ngoài ra, NNC còn sử dụng phương pháp duy vật biện chứng, duy vật lịch sử để hệ thống, phân tích một số quy định của pháp luật, nêu ra những hạn chế, bất cập trong quá trình thực thi pháp luật; Nhóm nghiên cứu đã phát hiện 10 yếu tố tác động ảnh hưởng nhất đến tính tuân thủ;

Đề điều chỉnh các tác động này theo hướng tích cực nhất, NNC đã đề xuất 07 nhóm giải pháp, có các kiến nghị đến các cơ quan lập pháp và hành pháp nhằm hoàn thiện quy định của pháp luật đảm bảo pháp luật được thực thi trong cuộc sống.